

Số: 394/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1320/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988;

Hộ khẩu thường trú: 121/37 đường TMT13, Tổ 24, Khu phố 2, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: 121/37 đường TMT13, Tổ 24, Khu phố 2, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do UBND phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2016). Nay bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khả Di, sinh ngày 14/9/2016. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Khả Di cho bà Nguyễn Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Nguyễn Ngọc M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí bà M nộp. Ông T – bà M thỏa thuận: Bà M tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do UBND phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2016 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khả Di, sinh ngày 14/9/2016. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Khả Di cho bà Nguyễn Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Nguyễn Ngọc M không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Ngọc T cho đến khi bà Nguyễn Ngọc M có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Ngọc M tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Bà Nguyễn Ngọc M được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105803 ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Sang**